



**USAID**  
TỬ NHÂN DÂN MỸ



**WINROCK**  
INTERNATIONAL  
Putting Ideas to Work

## **Dự án Rừng và Đồng bằng Việt Nam**

**Đánh giá kết quả thực hiện “Định hướng Chiến lược phát triển Thủy lợi Việt Nam” giai đoạn 2009 đến 2015**

**Vùng Đồng bằng sông Cửu Long**

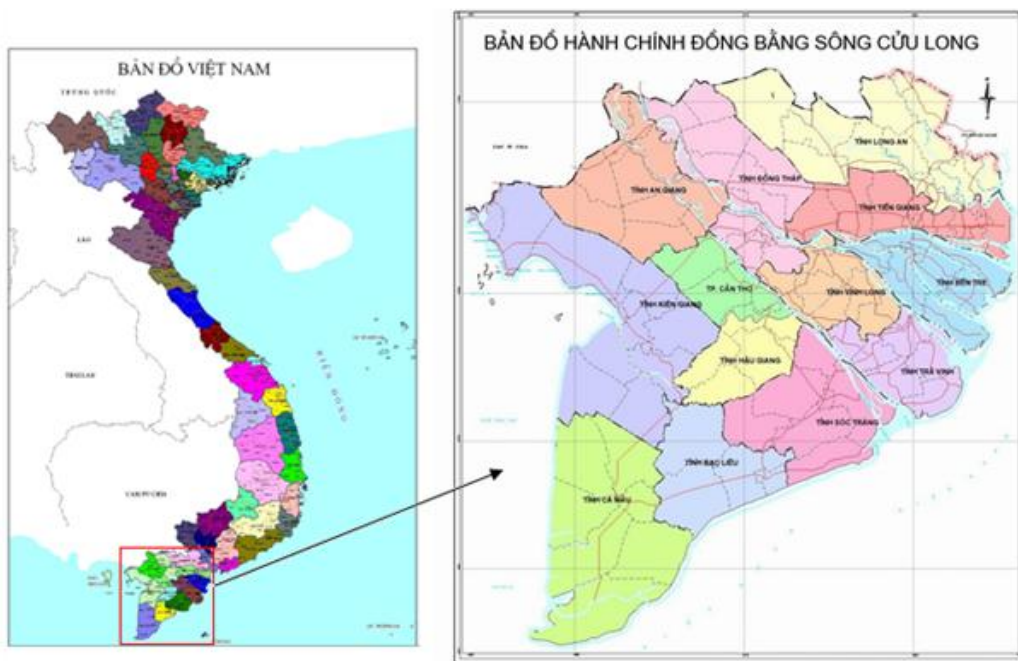
**Đơn vị thực hiện: Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam**

**Tháng 6/2016**

## **NỘI DUNG:**

1. Giới thiệu vùng Đồng Bằng sông Cửu Long.
2. Các thuận lợi khó khăn trong phát triển thủy lợi.
3. Kết quả thực hiện định hướng chiến lược thủy lợi Việt Nam giai đoạn 2009-2015.
4. Nhận xét chung.

# GIỚI THIỆU VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG



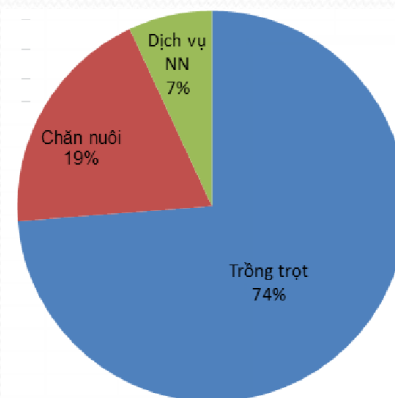
Hình 1: Khu vực nghiên cứu (ĐBSCL)

- ▶ Diện tích đất liền 40.576 km<sup>2</sup> (chiếm 12,3% diện tích cả nước), dân số (theo số liệu của Tổng cục Thống kê Việt Nam năm 2014) là 17,5 triệu người (bằng 19,3% dân số cả nước))

- ĐBSCL là một bộ phận của châu thổ sông Mekong, có vị trí nằm liền kề với vùng Đông Nam Bộ, phía Bắc giáp Campuchia, phía Tây-Nam giáp vịnh Thái Lan và phía Đông-Nam giáp biển Đông.
- ĐBSCL bao gồm 13 tỉnh/thành là Long An, Tiền Giang, Vĩnh Long, Bến Tre, Đồng Tháp, Trà Vinh, Hậu Giang, Bạc Liêu, Sóc Trăng, An Giang, Kiên Giang, Cà Mau và Cần Thơ.

- ▶ Nhóm đất phèn là nhóm đất chiếm tỷ lệ lớn nhất 41,1% DTTN.
- ▶ Diện tích đất sản xuất nông nghiệp 2,550 triệu ha chiếm 64,2% DTTN. Đất lâm nghiệp 331.480 ha, chiếm 8,12% tổng diện tích tự nhiên, rừng tự nhiên còn gần 104.000 ha.
- ▶ ĐBSCL nằm trong vùng nhiệt đới gió mùa với quanh năm nóng ẩm, nền nhiệt độ cao và ít thay đổi trong năm, số giờ nắng cao và mưa phân biệt thành hai mùa rõ rệt.
- ▶ Chế độ thủy văn ở ĐBSCL chịu tác động trực tiếp của dòng chảy thượng nguồn, chế độ triều biển Đông, một phần của triều vịnh Thái Lan, cùng chế độ mưa trên toàn đồng bằng.
- ▶ ĐBSCL có hệ thống sông ngòi, kênh rạch khá phong phú, bao gồm hệ thống sông thiên nhiên và kênh đào (Hệ thống sông Tiền, sông Hậu, hệ thống sông Vàm Cỏ, hệ thống sông Cái Lớn, Cái Bé, sông Giang Thành).

- ▶ Hệ thống kênh đào ở ĐBSCL được phát triển chủ yếu trong vòng hơn 1 thế kỷ nay, với mục đích chính là phát triển nông nghiệp và giao thông thủy. Đến nay, hệ thống kênh đào đã được đan dày ở cả 3 cấp là kênh trục/kênh cấp 1, kênh cấp 2 và kênh cấp 3/nội đồng.
- ▶ Cơ cấu giá trị SXNN vùng ĐBSCL còn rất mất cân đối.
- ▶ Sản phẩm lúa gạo sản xuất tại ĐBSCL không chỉ đáp ứng yêu cầu tiêu dùng cho 17,5 triệu nhân khẩu tại ĐBSCL mà còn góp phần đảm bảo an ninh lương thực Quốc gia.



*Cơ cấu giá trị SXNN vùng ĐBSCL*

*ĐBSCL chiếm một vị trí đặc biệt quan trọng trong phát triển kinh tế-xã hội ở Việt Nam do có tiềm năng to lớn để phát triển nông nghiệp, đặc biệt là sản xuất lương thực, nuôi trồng và đánh bắt thủy sản, phát triển cây ăn trái... đem lại giá trị xuất khẩu cao cho cả nước cũng như mở rộng giao lưu với khu vực và thế giới. Những năm gần đây, ĐBSCL luôn đóng góp hơn 50% sản lượng nông nghiệp, chiếm trên 90% lượng lương thực xuất khẩu và khoảng 70% trái cây và thủy sản của cả nước.*

## THUẬN LỢI, KHÓ KHĂN TRONG PHÁT TRIỂN THỦY LỢI

- **Thuận lợi:**

- ĐBSCL nằm trên địa hình tương đối bằng phẳng, mạng lưới sông ngòi, kênh rạch phân bố dày đặc, rất thuận lợi cho giao thông thủy.
- ĐBSCL có hơn 400 km biên giới trên bộ với Campuchia và 700 km bờ biển tiếp giáp với biển Đông và biển Tây, có ý nghĩa rất quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội và an ninh quốc phòng.
- Có các sông lớn chảy qua tạo ra nguồn cung cấp nước khá dồi dào, tạo điều kiện thuận lợi cho các hệ thống thủy lợi phục vụ cho phát triển nông nghiệp, công nghiệp và dân sinh.
- Người dân vùng ĐBSCL rất năng động, ngày càng tham gia đóng góp vốn đầu tư công trình dưới nhiều quy mô và hình thức khác nhau.
- Về mùa lũ vùng ĐBSCL đem lại nhiều ích lợi như gia tăng nguồn thủy sản tự nhiên, bổ sung phù sa cho đồng ruộng, vệ sinh làm sạch môi trường, thau chua, rửa mặn, bổ cập nguồn nước ngầm...
- Rừng, đặc biệt là rừng ngập mặn là nguồn tài nguyên sinh thái vô cùng quý giá không những của ĐBSCL, mà là của toàn thế giới

## **Khó khăn:**

- Công tác quy hoạch còn nhiều hạn chế trong việc lồng ghép, phối hợp giữa các ngành, các đối tượng dùng nước, giữa khai thác và sử dụng tài nguyên, giữa phát triển kinh tế-xã hội và bảo vệ môi trường, giữa đa dạng trong sản xuất nông nghiệp với sản xuất quy mô lớn các nông sản chủ lực.
- ĐBSCL có đặc điểm tự nhiên nổi bật ít có trên thế giới với gần một nửa diện tích bị ngập lũ từ 3÷4 tháng mỗi năm, là hạn chế lớn đối với canh tác nông nghiệp, gây nhiều khó khăn cho cuộc sống của dân cư.
- Kết cấu hạ tầng cơ sở yếu kém, đặc biệt là giao thông, điện và cung cấp nước.
- Phát triển và khai thác các vùng đất phèn có ảnh hưởng đến việc sử dụng nước ở những vùng xung quanh (tiêu, cấp nước sinh hoạt, các tiến trình sinh thái ven sông), nhất là những vùng bị nhiễm phèn nặng
- ĐBSCL đang và sẽ phải đối phó với sự thiếu nước nghiêm trọng, tình hình xâm nhập mặn trong mùa khô, tác động đến sản xuất, cấp nước sinh hoạt, bảo vệ môi trường... gây ra tranh chấp giữa người sử dụng.



- Quá trình phát triển ở ĐBSCL đã gây nên những tác động tiêu cực đối với đất ngập nước, dẫn đến những tổn thất về đa dạng sinh học, môi trường sống thủy sinh, hệ động thực vật tự nhiên và gia tăng áp lực đối với các loài đang có nguy cơ tuyệt chủng
- Phát triển ở ĐBSCL cũng làm giảm độ che phủ của rừng, dẫn đến tổn thất về môi trường sinh sống thủy sinh, đặc biệt ở các vùng ven biển, và hệ động thực vật trên cạn và dưới nước. Đồng thời, làm gia tăng sự xói lở bờ sông, bờ biển, cũng như tăng áp lực huỷ diệt lên các loài có nguy cơ tuyệt chủng cao.
- Các hoạt động phát triển của các nước thượng lưu, đặc biệt là các nước trong Ủy hội sông Mekong, sẽ có những ảnh hưởng nhất định đến vùng ĐBSCL, như làm suy giảm nguồn nước, nhất là vào mùa kiệt, và chất lượng nước, cũng như các tác động xuyên biên giới và các tác động tích lũy khác.
- BĐKH-NBD trong những năm gần đây đã gây nên lũ lụt và hạn hán, xâm nhập mặn ngày càng nghiêm trọng.



**KẾT QUẢ THỰC HIỆN ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC THỦY  
LỢI VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2009-2015 VÙNG ĐBSCL  
(9 chương trình)**

# 1. Chương trình tăng cường công tác quản lý

➤ Kiện  
toàn hệ  
thống  
tổ chức  
quản lý  
nhà  
nước  
về thủy  
lợi

## ❖ Nhận xét chung:

- Cơ cấu tổ chức quản lý, khai thác công trình thủy lợi bao gồm: doanh nghiệp quản lý, khai thác các hệ thống công trình thủy lợi trực thuộc tỉnh, Chi cục Thủy lợi kiêm nhiệm thực hiện nhiệm vụ quản lý, khai thác công trình thủy lợi, tổ chức hợp tác dùng nước quản lý công trình thủy lợi nhỏ và hệ thống kênh mương nội đồng.
- Kết quả: 13/13 tỉnh đã lập đề án; 4/13 đã hoàn thiện hệ thống tổ chức quản lý nhà nước về thủy lợi; 9/13 địa phương đang tiến hành rà soát và điều chỉnh.

## ❖ **Tồn tại, hạn chế:**

- Thiếu cán bộ có chuyên môn về thủy lợi, cán bộ làm kiêm nhiệm nhiều nhiệm vụ là nguyên nhân khiến công tác quản lý nhà nước về thủy lợi ở cấp huyện/thành phố còn yếu kém, chưa đáp ứng yêu cầu.
- Hầu hết các xã không có cán bộ chuyên môn thủy lợi, công tác thủy lợi do các cán bộ lĩnh vực khác của UBND xã kiêm nhiệm phụ trách.
- Nhận thức về quản lý khai thác bảo vệ công trình thủy lợi chưa cao, trình trạng vi phạm pháp luật về bảo vệ công trình thủy lợi diễn ra phổ biến

➤ Hoàn thiện cơ cấu tổ chức quản lý khai thác công trình

- Hiện nay có 4 mô hình tổ chức quản lý khai thác công trình thủy lợi gồm: doanh nghiệp nhà nước, công ty cổ phần, các đơn vị sự nghiệp và các tổ chức hợp tác dùng nước.
- Mô hình tổ chức quản lý khai thác công trình thủy lợi ở các tỉnh không đồng bộ. (Công ty TNHH MTV KTCT TL cấp tỉnh (Tiền Giang, Bến Tre, Trà Vinh, An Giang), Trung tâm quản lý khai thác công trình thủy lợi (Long An, Bạc Liêu, Vĩnh Long), và các trạm QLKTCT thủy lợi cấp huyện và các tổ chức hợp tác dùng nước với các tên gọi khác nhau).
- Một số mô hình tổ chức đã tỏ ra bất cập, hiệu quả quản lý khai thác công trình thủy lợi còn thấp.
- Trình độ chuyên môn nghiệp vụ của các đơn vị quản lý thủy nông cấp cơ sở còn nhiều hạn chế.

➤ Phân cấp công trình thủy lợi theo thông tư 65

- 13/13 tỉnh đã thực hiện công tác phân cấp công trình thủy lợi
- Đánh giá chung:
  - Đối với các công trình do Công ty, trung tâm quản lý khai thác công trình thủy lợi cơ bản đã khai thác tốt năng lực thiết kế của các hệ thống thủy lợi; hệ thống công trình từng bước được sửa chữa khôi phục, nâng cấp nhằm đảm bảo an toàn công trình, phát huy hiệu quả phục vụ tốt sản xuất nông nghiệp, dân sinh và các ngành kinh tế khác.

- Vai trò của chính quyền địa phương trong việc xử lý các vi phạm phạm vi khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi chưa kiên quyết, nhiều địa phương buông lỏng công tác này.
- Ý thức tham gia quản lý vận hành công trình thủy lợi chưa cao. Còn tình trạng người dân lấn chiếm hành lang bảo vệ kênh, vứt rác xuống kênh...



- Nhiều công trình thủy đang trong tình trạng xuống cấp, cần duy tu sửa chữa.

➤ Thực  
hiện  
chính  
sách  
cấp bù  
thuỷ  
lợi phí

- Tình hình thực hiện nghị định 67/2012/ND-CP còn nhiều khó khăn. Các địa phương chủ yếu dùng nguồn kinh phí cấp bù thủy lợi phí để chi trả cho các TCHTDN.
- Nguồn cấp bù TLP của các công trình thủy lợi do TCHTDN quản lý chỉ đủ chi phí trả tiền điện, tiền công quản lý bảo vệ, thiếu kinh phí để duy tu, bảo dưỡng công trình dẫn đến tình trạng xuống cấp của nhiều công trình, tình trạng bồi lắng các tuyến kênh....



- Việc tuyên truyền, hướng dẫn, phổ biến chính sách mới ở một số địa phương còn nhiều hạn chế, nhiều người dân, thậm chí cả cán bộ cấp huyện, xã chưa nhận thức đúng, chưa hiểu rõ các chính sách mới hiện hành.
- TCHTDN chưa được thành lập theo quy định thống nhất, chưa có khả năng hoạt động độc lập, hoạt động của các tổ chức thủy nông cơ sở chưa được đầy đủ. Hầu hết chưa thu được phí thủy lợi nội đồng.
- Việc xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật trong công tác quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi cho các TCHTDN (theo hướng dẫn tại QĐ 2891/QĐ-BNN-TL ngày 12/10/2009) là rất khó khăn.

*Rà  
soát,  
bổ  
sung,  
điều  
chỉnh  
quy  
hoạch*

- **Quy hoạch thủy lợi của các địa phương:**

Các địa phương vùng ĐBSCL đã thực hiện các quy hoạch như sau:

- Quy hoạch thủy lợi đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 vùng ĐBSCL.
- Quy hoạch phát triển hệ thống trạm bơm điện.
- *Rà soát, bổ sung, điều chỉnh quy hoạch* các hệ thống thủy lợi, quy hoạch phòng chống lũ và đê điều, quy hoạch chống ngập úng cho các đô thị, khu dân cư tập trung

**Nhận xét:** Công tác quy hoạch thủy lợi đã được chú trọng xây dựng, bổ sung kịp thời, phù hợp với định hướng phát triển thủy lợi Việt Nam

## 2. Chương trình phát triển khoa học công nghệ:

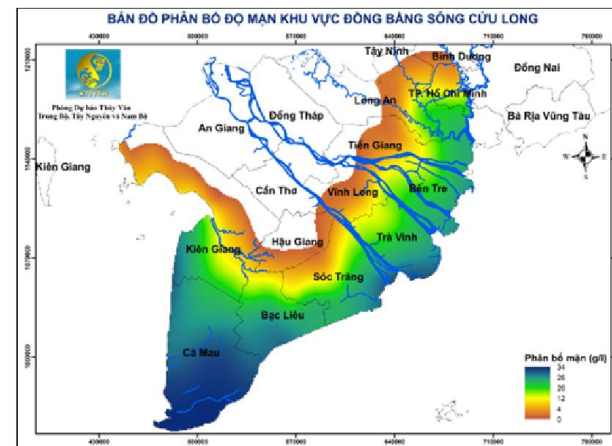
- Ứng dụng tin học vào công tác quản lý vận hành, khai thác thủy lợi.
- Ứng dụng công nghệ công lắp ghép kiểm soát lũ, ngăn mặn phục vụ sản xuất nông nghiệp.
- Xây dựng hệ thống quản lý công trình thủy lợi trong dự báo mặn, lũ tự động bằng ứng dụng công nghệ Scada
- Nghiên cứu các giải pháp tưới tiết kiệm nước.



Hình 4: Thi công trụ pin và cầu giao thông công Ông Dèo - Hậu Giang ( $B_c=15m$ )



Hình 5: Thi công công Sấu Kim - Hậu Giang ( $B_c=8m$ ) bằng công nghệ công lắp ghép bằng cừ BTCT dự ứng lực



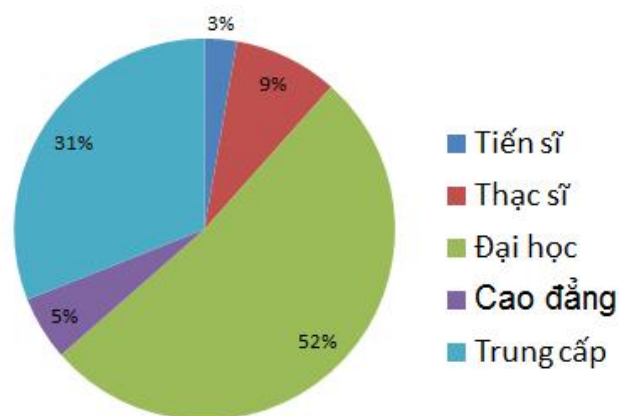
Hình 1: Bản đồ phân bố độ mặn từ 02/4 đến 08/4/2016

## *Tồn tại:*

- Thiếu cơ chế chính sách khuyến khích, thúc đẩy ứng dụng các tiến bộ khoa học vào sản xuất.
- Kết quả nghiên cứu khoa học lĩnh vực thủy lợi ứng dụng vào thực tế rất khó khăn do đòi hỏi kinh phí lớn, mức độ rủi ro cao.
- Chưa có sự quan tâm thích đáng đến việc hoàn thiện các công nghệ đã có. Một số công nghệ tiên tiến đã được ứng dụng thử nghiệm thành công nhưng triển khai ứng dụng rộng rãi vào thực tế còn hạn chế.

### 3. Chương trình phát triển nguồn nhân lực

Hiện trạng nguồn nhân lực quản lý nhà nước về thủy lợi cấp tỉnh

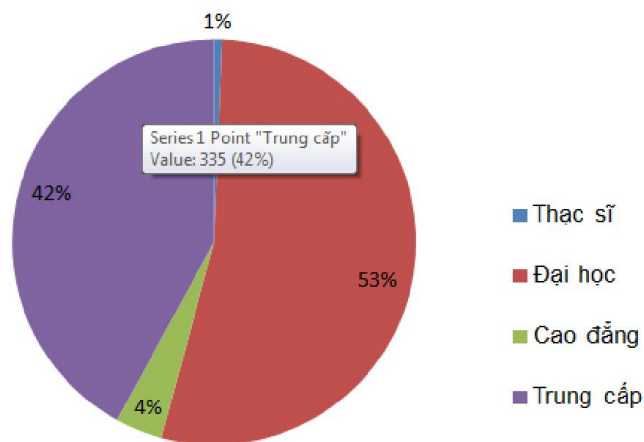


- ▶ Ở cấp xã/phường: 5/13 địa phương có cán bộ chuyên môn về thủy lợi, với số cán bộ là 52 người.

- Cấp tỉnh, tổng số cán bộ có chuyên môn thủy lợi là 643, trung bình khoảng 49 cán bộ/tỉnh.
- Ở cấp huyện, tổng số cán bộ có chuyên môn thủy lợi là 298. Hiện nay, hầu hết các huyện đều có cán bộ có chuyên môn về thủy lợi. (Trừ 3 tỉnh Long An, Bạc Liêu và Cà Mau)

## ➤ Nguồn nhân lực QLKTCTTL

Hiện trạng nguồn nhân lực công ty KTCTTL cấp tỉnh



- Nguồn nhân lực tại các công ty KTCTTL cấp tỉnh : Tổng số cán bộ có chuyên môn về thủy lợi năm 2015 là 797 người. Một số tỉnh như Kiên Giang, Hậu Giang, Đồng Tháp

## **Nhận xét:**

- + Nguồn nhân lực ở các công ty cơ bản đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ quản lý khai thác trong giai đoạn hiện nay và theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tại thông tư số 65/2009/TT-BNN và Thông tư số 40/2011/TT-BNN.
- + Đối với các phòng Nông nghiệp/ phòng kinh tế cấp huyện lực lượng cán bộ mỏng, nhiều huyện không có cán bộ chuyên môn thủy lợi.
- + Đội ngũ cán bộ quản lý, vận hành công trình hầu hết chưa đảm bảo năng lực về trình độ chuyên môn theo quy định

## 5. Chương trình nâng cấp và phát triển hồ chứa lớn, lợi dụng tổng hợp

- Do đặc thù vùng ĐBSCL nên các địa phương ở đây không có hồ chứa lớn mà chỉ có một số ý hồ chứa nhỏ (tỉnh An Giang, Kiên Giang) phục vụ chủ yếu nước sinh hoạt và sản xuất cho một số ý dân ở vùng núi
- Các công trình này đã phát huy được nhiệm vụ thiết kế, góp phần vào việc phát triển kinh tế, ổn định xã hội ở địa phương
- Hiện nay một số công trình đã xuống cấp, cần thiết phải được đầu tư sửa chữa, nâng cấp nhằm đảm bảo yêu cầu an toàn và công năng của các công trình.



## 6. Chương trình phát triển thủy lợi phục vụ chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông-lâm-ngư nghiệp – nông thôn

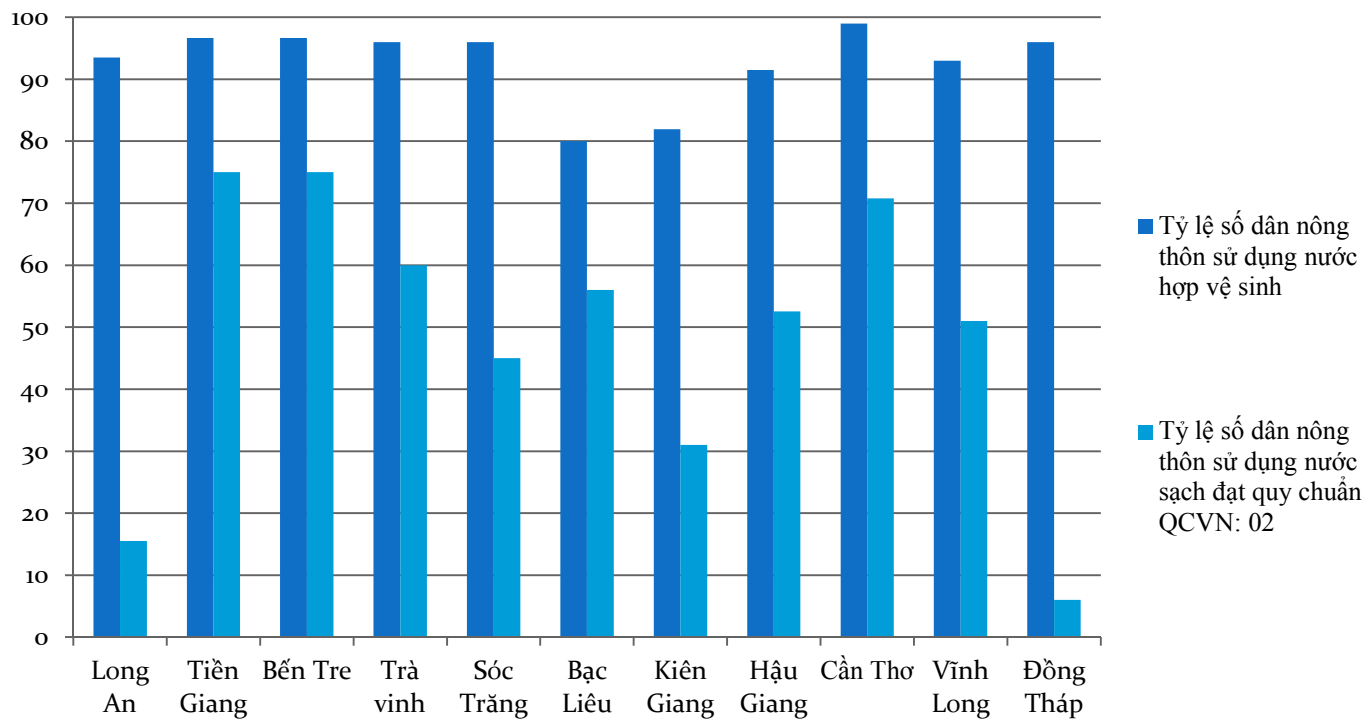
- Kết quả chuyển đổi cơ cấu cây trồng:

Tỉnh	Hạng mục	Diện tích chuyển đổi (ha)		
		Giai đoạn 2009 - 2015	Giai đoạn 2016 - 2020	Giai đoạn sau 2020
Long An	Nuôi trồng thủy sản			
	Trồng cây ăn quả tập trung	10.884,62		
	Trồng hoa cây cảnh	13,9		
Tiền Giang	Nuôi trồng thủy sản	100.131	74.150	
	Trồng cây ăn quả tập trung	480.708	367.575	
	Trồng hoa cây cảnh			
Trà Vinh	Tổng	6.005	1.467	18.955
Sóc Trăng	Nuôi trồng thủy sản	68.62	74.5	78.1
	Trồng cây ăn quả tập trung	27,86	30	30
	Trồng hoa cây cảnh			
Kiên Giang	Nuôi trồng thủy sản	133,8	181.05	
	Trồng cây ăn quả tập trung	25.065	26.1	
	Rau quả thương phẩm	9,5	9,7	
	Cây có củ các loại như khoai lang, khoai mì	2,1	2,6	
	Hoa màu lương thực khác	550	5,5	
An Giang	Nuôi trồng thủy sản	17.036		
	Trồng cây ăn quả tập trung			
	Trồng hoa cây cảnh			

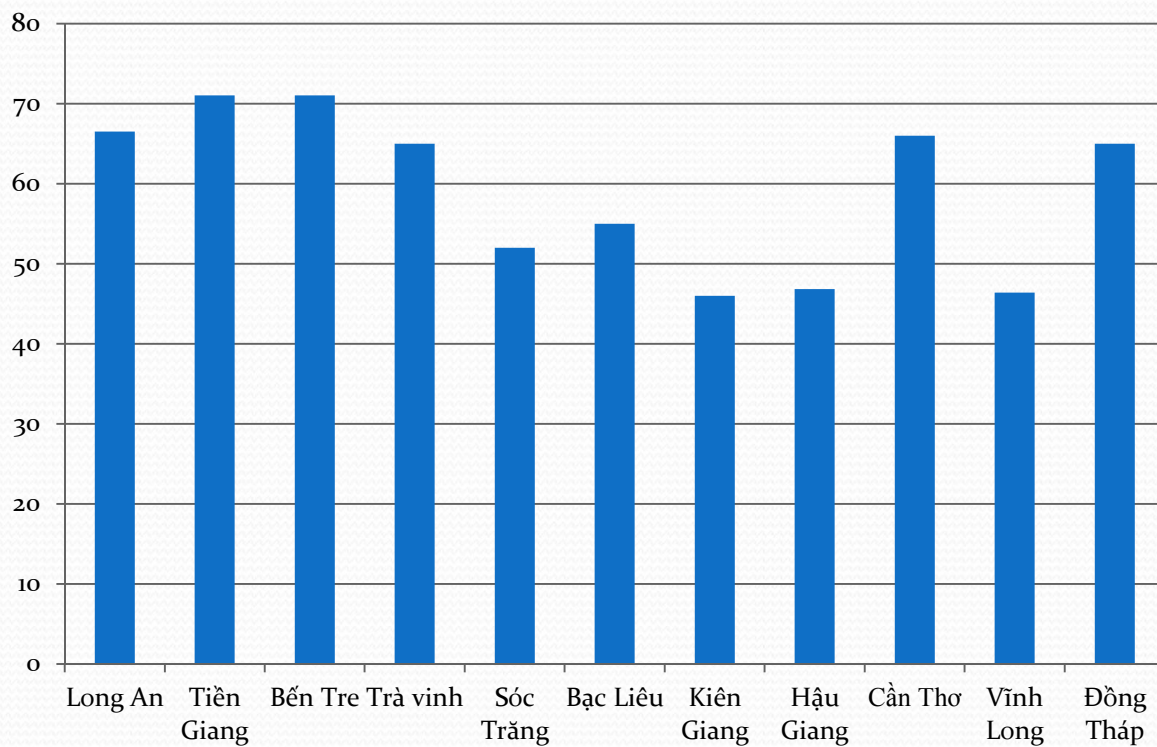
- Các địa phương đã thực hiện công tác quy hoạch, rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch thủy lợi nhằm phục vụ chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông-lâm-ngư nghiệp - nông thôn phù hợp với phát triển kinh tế của địa phương. ( Ví dụ: Vùng cây ăn quả ở Long An, Tiền Giang, Sóc Trăng, Bến Tre.... Hay những vùng nuôi thủy hải sản tập trung ở các tỉnh ven biển như: Bến Tre, Tiền Giang, Cà Mau, Bạc Liêu, Sóc Trăng....
- Các mô hình chuyển đổi đã đem lại hiệu quả kinh tế cao, nâng cao đời sống người dân, tuy nhiên, việc phát triển nông-lâm ngư nghiệp nhiều vùng vẫn diễn ra một cách tự phát.
- Hệ thống thủy lợi của vùng đang được tiếp tục đầu tư xây dựng nhằm đáp ứng được yêu cầu chuyển đổi.
- Công tác áp dụng các tiến bộ khoa học công nghệ vùng chuyển đổi còn nhiều bất cập và hạn chế. Nguyên nhân chỉ ra do thiếu nguồn kinh phí, cơ chế áp dụng, sự liên kết giữa nhà nông-nhà khoa học – nhà kinh doanh sản xuất.

## 8. Chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn

- **Kết quả thực hiện**
- Tỷ lệ số dân nông thôn sử dụng nước HVS: 92.7% (cao nhất Tp. Cần Thơ 99%)
  - Tỷ lệ số dân nông thôn sử dụng nước sạch đạt QCVN 02 43.49 %
  - Tỷ lệ hộ gia đình có nhà tiêu hợp vệ sinh 59.16% (thấp nhất Sóc Trăng 52 %, cao nhất Long An và Tp.Cần Thơ 65%)



## Tỷ lệ hộ gia đình có nhà tiêu hợp vệ sinh



➤ **Thực  
trạng  
hoạt  
động**

- Các công trình nước sạch nông thôn tập trung do các Trung tâm Nước sạch và VSMT NT quản lý cơ bản phát huy hiệu quả tốt.
- Tỷ lệ các công trình hoạt động bền vững chiếm 59.5%, tỷ lệ công trình không hoạt động thấp chiếm 1,28%
- Tùy thuộc vào điều kiện địa lý và chất lượng nước, nguồn nước cấp nước bao gồm: Nước mặt, nước ngầm. Nguồn nước vùng ĐBSCL đang ở mức báo động với thực trạng mực nước ngầm ngày càng hạ thấp, nguồn nước mặt bị ô nhiễm và xâm nhập mặn. Đây là vấn đề ĐBSCL vẫn chưa có lời giải để giải quyết triệt để.

- Phần lớn các công trình cấp nước tập trung chưa đạt QCVN 02:2009/BYT, đầu tư chưa gắn với quản lý khai thác có hiệu quả, công trình nhanh chóng xuống cấp, quản lý chất lượng nước chưa được giám sát, đánh giá thường xuyên đúng quy định.
- Công tác truyền thông, giáo dục nâng cao năng lực, ý thức cộng đồng bảo vệ nguồn nước chưa cao, sự phối hợp giữa các cấp các ngành chưa chặt chẽ, nội dung còn nhiều yếu tố chưa phù hợp với đặc thù của từng vùng.

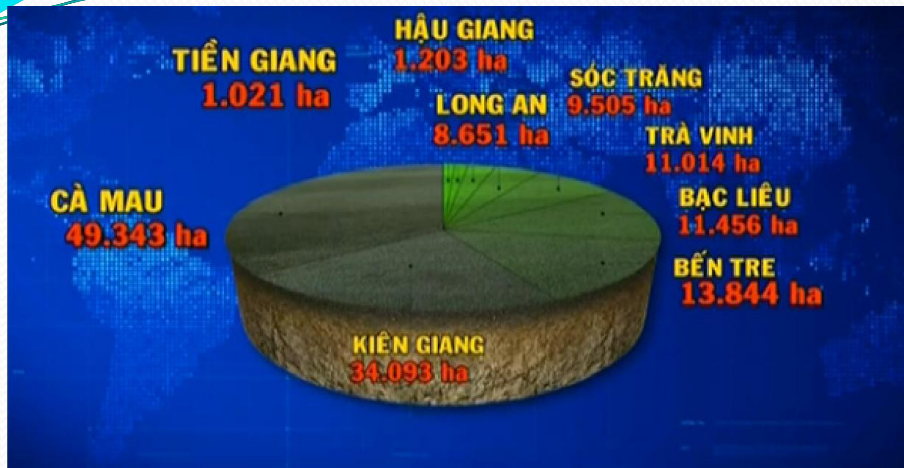
## 9. Chương trình phòng chống, giảm nhẹ thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu

### **Các yếu tố thiên tai ảnh hưởng đến vùng ĐBSCL:**

ĐBSCL là vùng được thiên nhiên ưu đãi, hằng năm không có các trận bão lớn đi qua. Tuy nhiên trong thời gian gần đây, dưới tác động của biến đổi khí hậu, mực nước biển dâng đã gây ra những tác động tiêu cực đến vùng ĐBSCL. Các tác động được chỉ ra là:

- ✓ Tình hình xâm nhập mặn ngày càng diễn ra nghiêm trọng.
- ✓ Tình hình hạn hán, thiếu nước sản xuất, sinh hoạt vào mùa khô.
- ✓ Tình hình sạt lở bờ sông, bờ biển gây mất đất, ảnh hưởng đến cuộc sống, uy hiếp đến tài sản và tính mạng của người dân.







## Các hoạt động đã triển khai ứng phó với thiên tai:

- Xây dựng, nâng cấp hệ thống kè phòng, chống sạt lở ổn định bờ
- Nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo thiên tai.
- Nâng cao nhận thức cộng đồng phòng chống thiên tai.
- Di chuyển dân cư và tài sản ra khỏi vùng có nguy cơ xảy ra sạt lở
- Nghiên cứu giống cây trồng thích ứng với tác động của biến đổi khí hậu (Ví dụ: nghiên cứu giống lúa có khả năng chịu mặn cao...)



## **Tồn tại, khó khăn:**

- Ngân sách trung ương, ngân sách địa phương chưa đáp ứng nhu cầu theo thực tế và tiến độ đề ra trong kế hoạch.
- Các tiến bộ khoa học kỹ thuật áp dụng vào sản xuất còn chậm so với yêu cầu thực tế.
- Công tác phổ biến các kiến thức, kỹ năng về giảm nhẹ rủi ro thiên tai tại các cấp còn hạn chế.
- Nhận thức của cộng đồng về phòng chống thiên tai chưa cao.

## **Đánh giá chung kết quả thực hiện chiến lược thủy lợi giai đoạn 2009÷2015:**

- ✓ Các chủ trương chính sách đưa ra là phù hợp với điều kiện, tình hình và định hướng phát triển vùng ĐBSCL tuy nhiên hiệu quả đạt được còn nhiều hạn chế.
- ✓ Lãnh đạo ở các cấp địa phương (huyện, xã) chưa thực sự năng động, chủ động triển khai các văn bản, pháp quy của cấp trên dẫn đến hiệu quả thực hiện một chủ trương chính sách đúng đắn của tỉnh, nhà nước chưa đạt hiệu quả tốt
- ✓ Tổng cục thủy lợi là đơn vị quản lý thủy lợi của cả nước nói chung và vùng ĐBSCL nói riêng vẫn còn đang lúng túng trong việc chỉ đạo thực hiện các chương trình và nhiệm vụ phát triển thủy lợi nói trên dẫn đến có những tồn tại sau:

- Công tác phát triển nguồn lực ở địa phương không triển khai được
- Chưa tìm ra được tổ chức thống nhất để quản lý khai thác công trình thủy lợi của địa phương
- Nguồn vốn để xây dựng, tu bổ các công trình phục vụ chiến lược thủy lợi đã được xác định nhưng việc cấp vốn để thực hiện còn gặp nhiều khó khăn, chưa kịp thời dẫn đến có nhiều công trình dự án sau nhiều năm vẫn còn nằm trên giấy, chưa đồng bộ kết nối được toàn hệ thống.
- Các cơ quan nghiên cứu đã vào cuộc thực hiện các công trình nghiên cứu phục vụ chiến lược phát triển thủy lợi vùng tuy nhiên những công trình nghiên cứu này chưa đóng góp nhiều cho quá trình phát triển của ĐBSCL

Các cơ quan quản lý nhà nước tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà khoa học nghiên cứu ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào phục vụ sản xuất nâng cao chất lượng, sản lượng của các sản phẩm nông lâm thủy hải sản cho vùng ĐBSCL

Đánh giá mức độ phù hợp của 9 chương trình đối với vùng

TT	Tên chương trình	Mức độ phù hợp			
		Rất phù hợp	Phù hợp	Ít phù hợp	Không phù hợp
1	Chương trình tăng cường công tác quản lý		X		
2	Chương trình phát triển khoa học công nghệ		X		
3	Chương trình phát triển nguồn lực		X		
4	Chương trình nâng cấp, hiện đại hóa các hệ thống thủy lợi			X	
5	Chương trình nâng cấp và phát triển hồ chứa lớn lợi dụng tổng hợp				X
6	Chương trình phát triển thủy lợi phục vụ chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông – lâm – ngư nghiệp- nông thôn		X		
7	Chương trình phát triển thủy lợi, thủy điện nhỏ miền núi, hải đảo				X
8	Chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn			X	
9	Chương trình phòng chống giảm nhẹ thiên tai, thích ứng biến đổi khí hậu		X		



# **KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ**



➤ Cấp  
nước  
và  
Tiêu  
nước

- Các công trình thủy lợi cơ bản đáp ứng yêu cầu cấp nước và tiêu nước phục vụ sản xuất nông nghiệp. (Trạm bơm : 1445 trạm bơm, cống dưới đê: 1201 cống)
- Tỷ lệ cấp nước tưới phục vụ sản xuất nông nghiệp đạt trên 95%
- Tỷ lệ cấp nước phục vụ nuôi trồng thủy sản đạt trên 85% và thoát nước đạt 100%
- Hình thức tưới tiêu: Động lực và trọng lực.

- ▶ ĐBSCL sử dụng phần lớn nguồn nước trên hệ thống kênh, rạch, để tưới, vào mùa khô tại những khu vực và diện tích thường xuyên xảy ra hạn hán, thiếu nước mặt thì phải khai thác nước ngầm để tưới. Dẫn đến vấn đề suy giảm nguồn nước và các tác động đến cấp nước tưới.
- ▶ Sử dụng nguồn nước chưa tiết kiệm, lượng nước thất thoát lớn.
- ▶ ĐBSCL đã triển khai nhiều hệ thống thủy lợi tiêu úng, kiểm soát lũ, ngăn mặn. Tuy nhiên, tính đồng bộ chưa cao và bị xuống cấp theo thời gian nên hiệu quả tiêu úng, kiểm soát lũ, ngăn mặn tại nhiều khu vực vẫn chưa đảm bảo yêu cầu đặt ra.

## Phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai

- Mặc dù các địa phương đã tích cực triển khai các biện pháp ứng phó với biến đổi khí hậu, mực nước biển dâng, tình hình xâm nhập mặn, hạn hán nhưng tình trạng thiệt hại về tài sản của người dân vẫn xảy ra hằng năm. Nguyên nhân được chỉ ra là:
  - Các hiện tượng thiên tai ngày các khốc liệt hơn và xảy ra thường xuyên hơn.
  - Nhiều địa phương do chủ quan trong công tác tuyên truyền, vận động, công tác kiểm tra, giám sát của chính quyền các cấp, nhất là ở cấp cơ sở chưa sâu sát, thiếu kiên quyết
  - Việc dự báo, cảnh báo, phân vùng nguy cơ xảy ra thiên tai có độ chính xác hạn chế, mức độ chi tiết chưa cao

- Vốn đầu tư hàng năm của Trung ương và các địa phương còn hạn chế nên việc nâng cấp, đầu tư xây dựng mới các hạng mục theo chương trình còn gặp nhiều khó khăn.
- Tập huấn về phòng chống thiên tai cũng như tuyên truyền nâng cao nhận thức cho cộng đồng đã được thực hiện tại nhiều địa phương nhưng vẫn còn mang tính hình thức, hiệu quả chưa cao.
- Một số đoạn sông, bờ biển xung yếu vẫn chưa triển khai được công trình bảo vệ ổn định bờ.
- Việc xây dựng các hệ thống công nghệ tiên tiến về cảnh báo thiên tai (cảnh báo lũ, xâm nhập mặn...) còn gặp nhiều khó khăn.

## Quản lý và bảo vệ nguồn nước

- Chưa có chế tài thực sự hiệu quả trong việc khống chế, kiểm soát các nguồn nước thải từ các khu công nghiệp, đô thị vào HTTL.
- Việc giám sát, kiểm tra và xử phạt các vi phạm về xả thải vào các sông, kênh rạch còn rất lỏng lẻo.
- Hằng năm, chi cục Thủy lợi và Phòng chống lụt, bão ở các địa phương tổ chức kiểm tra tình hình chất lượng nguồn nước, độ nhiễm mặn trên các tuyến sông rạch nhưng chủ yếu chỉ đo bằng máy đo mặn cầm tay, chưa có phương tiện đo mặn tự động chuyển số liệu về máy chủ.

## Nhận xét chung

- ▶ ĐBSCL là vùng đất được nhiều ưu đãi từ thiên nhiên (vị trí địa lý, khí hậu, cảnh quan, thổ nhưỡng...) do đó ĐBSCL có điều kiện rất thuận lợi để phát triển kinh tế về các ngành nông-lâm-ngư nghiệp, thương mại, dịch vụ và du lịch.
- ▶ Việc phát triển ĐBSCL theo định hướng phát triển thủy lợi của Đảng và Nhà nước còn nhiều hạn chế. Nguyên nhân được chỉ ra do:
  - Công tác triển khai các văn bản, pháp quy thực hiện định hướng phát triển thủy lợi của các đơn vị cấp dưới còn chậm.
  - Các đơn vị quản lý nhà nước còn đang lúng túng trong việc chỉ đạo thực hiện các chương trình và nhiệm vụ phát triển thủy lợi.

- Nhiều hệ thống thủy lợi chưa được đầu tư nâng cấp đáp ứng yêu cầu phòng chống, giảm nhẹ thiên tai.
- Nguồn nhân lực trong hệ thống quản lý khai thác công trình thủy lợi chưa đáp ứng yêu cầu, đặc biệt đối với cấp huyện, cấp xã.
- Công trình cấp nước sạch và VSMTNT đã phát huy hiệu quả phục vụ đời sống người dân vùng nông thôn. Tuy nhiên các công trình giao cho cộng đồng quản lý hư hỏng nhiều do trình độ quản lý yếu kém, công trình không được duy tu, sửa chữa thường xuyên.

- Công tác phát triển nguồn lực ở địa phương không triển khai được hoặc có triển khai nhưng rất chậm.
- Chưa tìm ra được tổ chức thống nhất để quản lý khai thác công trình thủy lợi của địa phương
- Việc cấp vốn để xây dựng các công trình đã được phê duyệt quy hoạch theo định hướng phát triển thủy lợi vùng còn gặp nhiều khó, chưa kịp thời.
- Hệ thống công trình thực hiện kế hoạch phát triển chiến lược thủy lợi chưa đồng bộ kết nối được toàn hệ thống.
- Các công trình nghiên cứu phục vụ chiến lược phát triển thủy lợi vùng chưa đóng góp nhiều cho quá trình phát triển của ĐBSCL.
- Lực lượng cán bộ quản lý, vận hành khai thác thủy lợi ở các địa phương không đồng đều và không thống nhất gây khó khăn cho việc quản lý nguồn nhân lực



- Các dự án phát triển thủy lợi trong những thập niên trước đây thường thiên về phục vụ cho cây lúa, về sau này đã chuyển dần theo hướng đa mục tiêu, đặc biệt xuất hiện yêu cầu sử dụng nước cho thủy sản nước mặn/lợ. Tồn tại đến nay là việc chậm bổ sung quy hoạch khi yêu cầu chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất có sự biến động giữa nông nghiệp-lâm nghiệp-thủy sản
- Vấn đề dự báo đóng vai trò cực kỳ quan trọng trong công tác xây dựng chiến lược, lập quy hoạch. Ở nước ta hiện nay, công tác dự báo tất cả các ngành vẫn còn rất yếu kém.
- Vấn đề bảo vệ môi trường và sinh thái rừng ngập mặn kết hợp với phát triển hạ tầng vùng định cư mới vẫn còn nhiều khó khăn, tồn tại.
- Trong nhiều năm qua, chúng ta đầu tư xây dựng công trình thủy lợi khá nhiều song cơ chế quản lý và vận hành hệ thống công trình còn chưa được chú trọng, thậm chí còn yếu. Đặc biệt là các hệ thống công trình liên tỉnh và hệ thống công trình quy mô lớn, phức tạp.

## Những vấn đề thủy lợi chủ yếu đặt ra cho vùng:

- Các cơ quan quản lý nhà nước tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà khoa học nghiên cứu ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào phục vụ sản xuất nâng cao chất lượng, sản lượng của các sản phẩm nông lâm thủy hải sản cho vùng ĐBSCL .
- Kiện toàn và hoàn chỉnh cơ chế chủ chương chính sách lớn của Đảng và Nhà Nước: Chính sách cánh đồng mẫu lớn, sống chung với lũ, trách nhiệm của bộ phận quản lý khai thác vận hành công trình, hệ thống công trình thủy lợi, cơ chế bảo vệ quyền lợi người dân trong chuyển đổi cơ cấu cây trồng....
- Đào tạo nguồn nhân lực quản lý vận hành có trình độ chuyên môn cao, đưa ra quy chuẩn chung về số lượng và chất lượng cho nguồn nhân lực này. Đưa ra một chuẩn về quản lý vận hành khai thác công trình thủy lợi cho toàn vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Xây dựng cơ chế phối hợp quản lý vận hành lên tỉnh.

- Xây dựng mô hình sản xuất mẫu tại một số vị trí tập trung làm hạt nhân để nhân rộng ra toàn vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Mở rộng mô hình phát triển cánh đồng mẫu lớn
- Đưa ra một chuẩn về quản lý vận hành khai thác công trình thủy lợi cho toàn vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Xây dựng cơ chế phối hợp quản lý vận hành lên tỉnh. Xây dựng mô hình sản xuất mẫu tại một số vị trí tập trung làm hạt nhân để nhân rộng ra toàn vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Mở rộng mô hình phát triển cánh đồng mẫu lớn
- Địa phương trong vùng cần nâng cao tính chủ động trong triển khai các chủ chương, chính sách thống nhất thông qua, huy động những nguồn lực sẵn có thực hiện các quy hoạch thủy lợi đã đề ra



**XIN TRÂN TRỌNG CẢM ƠN!**